

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **156/2026/KDTM-PT**  
Ngày: 17/4/2026  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thanh Nhân

*Các Thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Mai Thị Thanh Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trâm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/3/2026, ngày 10/4/2026 và ngày 17/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 394/2025/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 50/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2026/QĐXX-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 2220/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3329/2026/QĐPT-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5076/2026/QĐPT-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ: Số 108 đường A, phường A, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024, Văn bản ủy quyền lại số 35/UQ-CNSGN-TCTH ngày 12/01/2026):

- Ông Phạm Đình H, sinh năm 1981; (có mặt ngày 12/3/2026 và ngày 10/4/2026, vắng mặt ngày 17/4/2026 )

- Ông Trần Hữu L, sinh năm 1990; (vắng mặt ngày 12/3/2026, có mặt ngày 10/4/2026 và ngày 17/4/2026)

- Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1982; (vắng mặt)
- Ông Phan Lê Minh T, sinh năm 1973; (vắng mặt)
- Ông Trần Thị Q, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 1425-1427 Khu phố B, đường B, Khu phố 4, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần L; Địa chỉ trụ sở: Unit 3A06, Tầng 3A, Toà nhà C, số 673 đường C, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản uỷ quyền số 1007/2025/TBA-GUQ ngày 10/7/2025): Ông Vũ Văn N, sinh năm 1992; Địa chỉ liên hệ: 257A14 đường D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt ngày 12/3/2026, có mặt ngày 10/4/2026 và ngày 17/4/2026*)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 1408/3C khu phố E, phường E, Thành phố Hồ Chí Minh; (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)
2. Bà Trần Thị Mộng Y, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 308 đường F, xã F, tỉnh Tây Ninh; (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)
3. Ông Trương Tuấn K, sinh năm 1971; Địa chỉ: 1/113 Khu phố G phường G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản uỷ quyền ngày 25/7/2025 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 013291/07/CCGD, địa chỉ 298 H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh): Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 2002; Địa chỉ liên hệ: 257A14 đường D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt ngày 12/3/2026, có mặt ngày 10/4/2026 và ngày 17/4/2026*)

4. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1975; Địa chỉ: 1/113 Khu phố G phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản uỷ quyền ngày 25/7/2025 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 013292/07/CCGD, địa chỉ 298 H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh): Ông Nguyễn Khắc M, sinh năm 2003; Địa chỉ liên hệ: 257A14 đường D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*)

*Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần L, ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Thúy H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại Đơn khởi kiện ngày 15/5/2025 của Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây viết là Ngân hàng) có ký kết các Hợp đồng cho vay với Công ty Cổ phần L (sau đây viết là Công ty L), cụ thể:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2019-HĐCVDAĐT/NHCT912 – Tân Bảo An ngày 19/9/2019 và Phụ lục Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2019-PLHĐCVDAĐT/NHCT912 – Tân Bảo An ngày 20/9/2019. (Sau đây viết là Hợp đồng 1): Số tiền cam kết cho vay: 5.189.100.000 đồng. Số tiền đã giải ngân: 5.189.100.000 đồng. Mục đích sử dụng: Đầu tư 10 xe ô tô tải hiệu ISUZU QKR77HE4 theo hợp đồng mua bán xe số 0737/HĐKD-2019 ngày 06/9/2019 với Công ty Cổ phần N để kinh doanh. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Ngày bắt đầu quá hạn: 17/01/2024. Lãi suất cho vay được xác định vào Ngày giải ngân của Khoản nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày một (1) hàng tháng hoặc Ngày làm việc liền kề trước đó nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày làm việc. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 300133403/2022-HĐCVHM/NHCT912-TBA ngày 25/6/2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 300133403/2022/HĐCVHM-SĐBS01/NHCT912-TBA ngày 04/5/2023 (Sau đây viết là Hợp đồng 2): Hạn mức cho vay: Thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Số tiền đã giải ngân: 11.969.869.750 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 25/6/2022 đến hết ngày 31/7/2023. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải và hàng nông sản. Thời hạn cho vay: thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Ngày bắt đầu quá hạn: 17/01/2024. Lãi suất cho vay được xác định vào ngày giải ngân của Khoản nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày một (1) hàng tháng hoặc Ngày làm việc liền kề trước đó nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày làm việc”. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/HĐCVHM/NHCT912-TBA ngày 06/7/2023 (sau đây viết là Hợp đồng 3): Hạn mức cho vay: Thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 40.000.000.000 đồng. Số tiền đã giải ngân: 26.760.835.875 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày 06/7/2023 đến hết ngày 01/7/2024. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải và hàng nông sản. Thời hạn cho vay: thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Ngày bắt đầu quá hạn: 17/01/2024. Lãi suất cho vay được xác định vào ngày giải ngân của Khoản nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày một (1) hàng tháng hoặc Ngày làm việc liền kề trước đó nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày làm việc”. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là:

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 584, TĐĐ số 5 tại địa chỉ: phường Thạnh Lộc, quận 12, TP. HCM, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 799804; Số vào sổ cấp GCN: CH 03903 do UBND quận 12,

TP. HCM cấp ngày 08/6/2012, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT912/TANBAOAN-Q12 (Số công chứng 004496, quyền số 10/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/10/2022 do Văn phòng công chứng Nguyễn Đức Hưng chứng); Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/10/2022.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 559, TĐĐ số 18 tại địa chỉ: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP. HCM, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 761708, Số vào sổ cấp GCN: CH08134 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 14/11/2019, Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc Bảo ngày 14/02/2020; Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 561, TĐĐ số 18 tại địa chỉ: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP. HCM, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 933181, Số vào sổ cấp GCN: CH07967 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 03/10/2019, Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc Bảo ngày 17/3/2020; Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 562, TĐĐ số 18 tại địa chỉ: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP. HCM, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 933182, Số vào sổ cấp GCN: CH07964 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 03/10/2019, Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc Bảo ngày 17/3/2020, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT912/TANBAOAN-CUCHI ngày 16/6/2021 (Số công chứng 002787, quyền số 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Cường chứng) và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/2021/VBSĐBSHĐTC-01/NHCT912TANBAOAN-CUCHI ngày 20/5/2022 (Số công chứng 003922, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2022 do Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Cường chứng); Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/6/2021.

Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân và Công ty L đã nhận nợ là: 43.919.805.625 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng, Công ty L đã thanh toán tổng số tiền: 15.998.326.697 đồng, trong đó: Gốc 14.081.340.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.910.567.702 đồng, lãi quá hạn là 6.418.995 đồng.

Từ ngày 17/01/2024 Công ty L không trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và làm việc để yêu cầu khách hàng trả nợ nhưng Công ty L vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết, buộc Công ty L trả nợ, tổng số nợ tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 38.919.048.946 đồng. Trong đó: nợ gốc: 29.838.465.625 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.382.615.533 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.697.967.788 đồng.

Số nợ theo từng hợp đồng như sau:

Hợp đồng 1: Gốc: 285.500.000 đồng, lãi trong hạn: 71.863.869 đồng, lãi quá hạn: 18.248.480 đồng. Tổng: 375.612.349 đồng.

Hợp đồng 2: Gốc: 2.792.129.750 đồng, lãi trong hạn: 970.343.411 đồng, lãi quá hạn: 388.086.668 đồng. Tổng: 4.150.559.829 đồng.

Hợp đồng 3: Gốc: 26.760.835.875 đồng, lãi trong hạn: 5.340.408.253 đồng, lãi quá hạn: 2.291.632.640 đồng. Tổng: 34.392.876.768 đồng

Yêu cầu Công ty L tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 30/9/2025 đến khi tất toán khoản nợ, theo mức lãi suất thoả thuận tại các hợp đồng cho vay.

Trường hợp khi bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật mà Công ty L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi 04 tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ gốc và nợ lãi theo các Hợp đồng cho vay nêu trên thì Công ty L vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ nợ đối với Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dầu đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại Bản án sơ thẩm số 50/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

1.1. Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Asó nợ tạm tính đến ngày 29/9/2025, như sau:

Hợp đồng 1: Gốc: 285.500.000 đồng, lãi trong hạn: 71.863.869 đồng, lãi quá hạn: 18.248.480 đồng. Tổng: 375.612.349 đồng.

Hợp đồng 2: Gốc: 2.792.129.750 đồng, lãi trong hạn: 970.343.411 đồng, lãi quá hạn: 388.086.668 đồng. Tổng: 4.150.559.829 đồng.

Hợp đồng 3: Gốc: 26.760.835.875 đồng, lãi trong hạn: 5.340.408.253 đồng, lãi quá hạn: 2.291.632.640 đồng. Tổng: 34.392.876.768 đồng

Tổng số nợ của 03 hợp đồng là: 38.919.048.946 đồng (Ba mươi tám tỷ, chín trăm mười chín triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: nợ gốc: 29.838.465.625 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.382.615.533 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.697.967.788 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2025) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi

thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Nếu Công ty Cổ phần L không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Acó quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 584, TĐĐ số 5 tại địa chỉ: phường Thạnh Lộc, quận 12, TP. HCM, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 799804; Sổ vào sổ cấp GCN: CH 03903 do UBND Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/6/2012.

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 559, TĐĐ số 18 tại địa chỉ: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 761708; Sổ vào sổ cấp GCN: CH08134 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 14/11/2019; Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc Bảo ngày 14/02/2020;

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 561, TĐĐ số 18 tại địa chỉ: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 933181; Sổ vào sổ cấp GCN: CH07967 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 03/10/2019; Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc Bảo ngày 17/3/2020;

- Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 562, TĐĐ số 18 tại địa chỉ: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 933182; Sổ vào sổ cấp GCN: CH07964 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 03/10/2019; Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc Bảo ngày 17/3/2020.

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần L tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

1.5. Khi Công ty Cổ phần L tất toán toàn bộ khoản vay thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Acó trách nhiệm làm thủ tục xóa thế chấp theo quy định của pháp luật và giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng, sở hữu là ông Trương Tuấn Kiệt, bà Nguyễn Thị Thu Hằng, ông Nguyễn Quốc Bảo và bà Trần Thị Mộng Yên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

*Ngày 08/10/2025, Công ty Cổ phần L, ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Thúy H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:*

Bản án sơ thẩm chưa xem xét khách quan toàn diện vụ án, chưa nhận định, đánh giá hết tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và thực tế khách quan, ảnh hưởng quyền và lợi ích của Bị đơn và Người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự thủ tục phúc thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chúng tôi.

**\* *Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

*Đại diện Công ty Cổ phần L trình bày yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với những lý do như sau:*

- Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong thu thập và đánh giá chứng cứ, cụ thể tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đã ghi nhận không đúng về hiện trạng đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa số 584, tờ bản đồ số 5, địa chỉ An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, cụ thể Công ty Cổ phần L đã thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Quốc Bảo qua ông Trần Quốc Tiến từ ngày 10/01/2025, nhưng tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Tiến mà chỉ niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở công ty.

- Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về xác định đương sự trong vụ án, cụ thể không đưa ông Trương Tuấn Anh là người đang cư ngụ vào tham gia tố tụng khi tuyên phát mãi tài sản.

- Cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ các tài liệu như giấy nhận nợ, bảng kê chi tiết các khoản còn nợ, số tiền gốc, lãi của từng khoản vay và thông báo lãi suất để xác định việc điều chỉnh lãi của nguyên đơn có phù hợp hay không mà chỉ dựa vào bảng kê tổng nợ gốc lãi của Ngân hàng để chấp nhận yêu cầu là chưa đủ căn cứ.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Tuấn Kiệt trình bày yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với những lý do như sau:* Ông Kiệt không được Tòa án sơ thẩm tổng đạt các quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để đến tham gia phiên tòa xét xử. Ngoài ra, các biên bản ghi nhận việc không thực hiện được việc giao văn bản và các biên bản niêm yết là không đúng quy định, có dấu hiệu lập khống các biên bản không nhằm mục đích tổng đạt đề người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết để tham gia mà chỉ để cho đủ thủ tục đem ra xử. Đối với những nội dung khác thì ông Kiệt thống nhất với kháng cáo của bị đơn.

*Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thúy Hằng trình bày yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với những lý do như sau:* Bà Hằng không được Tòa án sơ thẩm tổng đạt các quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để đến tham gia phiên tòa xét xử. Đối với những nội dung khác thì bà Hằng thống nhất với kháng cáo của đại diện bị đơn và ông Trương Tuấn Kiệt.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:* Nguyên đơn không đồng ý toàn bộ những nội dung kháng cáo của bị đơn, ông Kiệt và bà Hằng. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm không xác minh về tình trạng hoạt động của Công ty Cổ phần L là bị đơn để xác định người đại diện theo pháp luật hiện nay là ai và không thực hiện việc tổng đạt cho bị đơn (pháp nhân thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của pháp nhân theo quy định của Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong giai đoạn sơ thẩm, thuộc trường hợp bản án sơ thẩm bị hủy theo quy định của khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Khu vực 6 -Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, văn bản trình bày ý kiến của người kháng cáo, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần L, ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Thúy H còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Phạm vi xét xử phúc thẩm: Công ty Cổ phần L, ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nên căn cứ quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án.

[4] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần L về việc cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, cụ thể từ ngày 10/01/2025 Công ty Cổ phần L đã thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Quốc B qua ông Trần Quốc T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản tố tụng cho ông T mà chỉ niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở công ty.

[5] Hồ sơ thể hiện quá trình tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty Cổ phần L như sau:

[6] Biên bản niêm yết công khai ngày 18/7/2025 (bút lục số 26) thể hiện tại địa chỉ cấp tổng đạt “không có bằng hiệu, nhân viên làm việc của công ty” nên Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc niêm yết các văn bản:

1/ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 35/TB-TA ngày 11/06/2025;

2/ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 09/2025/TB-TA ngày 10/07/2025;

3/ Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 11/2025/QĐ-XXTĐTC ngày 14/07/2025;

4/ Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 14/2025/QĐ-XXTĐTC ngày 14/07/2025;

5/ Giấy triệu tập đương sự trong vụ án "tranh chấp hợp đồng tín dụng" số 35/2025/GTT-TA, đúng 10 giờ 00 ngày 01/08/2025 có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án;

6/ Giấy triệu tập đương sự trong vụ án "tranh chấp hợp đồng tín dụng" số 61/2025/GTT-TA, đúng 14 giờ 30 ngày 05/08/2025 có mặt tại Thửa đất số 584, TĐĐ số 5, phường Thạnh Lộc, quận 12, TP.Hồ Chí Minh để tham gia buổi xem xét, thẩm định;

7/ Giấy triệu tập đương sự trong vụ án "tranh chấp hợp đồng tín dụng" số 62/2025/GTT-TA, đúng 09 giờ 00 ngày 05/08/2025 và ngày 06/08/2025 có mặt tại Thửa đất số 559, 561 và 562 TĐĐ số 18, huyện Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh để tham gia buổi xem xét, thẩm định;

[7] Biên bản tổng đạt ngày 11/8/2025 (bút lục số 38) thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho người nhận là ông Nguyễn Minh T

là nhân viên tại địa chỉ 18A Đường T, xã T, TP.HCM các văn bản: 1. Thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ; 2. Thông báo phiên họp; 3. Giấy triệu tập;

[8] Biên bản tổng đạt ngày 28/8/2025 (bút lục số 39) thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho người nhận là Nguyễn Thị Thúy A là nhân viên tại địa chỉ 18A Đường T, xã T, TP.HCM các văn bản: 1. Giấy triệu tập; 2. Quyết định đưa vụ án ra xét xử; 3. Thông báo kết quả phiên họp;

[9] Biên bản tổng đạt ngày 14/9/2025 (bút lục số 48) thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho người nhận là Nguyễn Minh Tuấn nhân viên tại địa chỉ 18A Đường T, xã T, TP.HCM các văn bản: 1. Giấy triệu tập; 2. Quyết định hoãn phiên tòa;

[10] Căn cứ Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cơ quan, tổ chức: *“1. Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo là cơ quan, tổ chức thì văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và phải được những người này ký nhận. Trường hợp cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt, thông báo có người đại diện tham gia tố tụng hoặc cử người đại diện nhận văn bản tố tụng thì những người này ký nhận văn bản tố tụng đó. Ngày ký nhận là ngày được cấp, tổng đạt, thông báo; 2. Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo từ chối nhận văn bản tố tụng hoặc vắng mặt thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 177 của Bộ luật này.”*

[11] Tại cấp phúc thẩm Công ty Cổ phần L cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 09/01/2025) thể hiện: *“Địa chỉ trụ sở chính: Unit 3A06, Tầng 3A, Tòa nhà C, số 673 đường C, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Trần Quốc T; Địa chỉ thường trú: 1605/1A, tổ 15, Khu phố 4, Phường Q, Quận Q, TP.HCM”*

[12] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với Công ty Cổ phần L tại địa chỉ trụ sở chính của công ty khi tại đây *“không có bảng hiệu, nhân viên làm việc của công ty”* là không đúng quy định của khoản 1 Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Ngoài ra, tại các Biên bản tổng đạt ngày 11/8/2025 (bút lục số 38), ngày 28/8/2025 (bút lục số 39), ngày 14/9/2025 (bút lục số 48) thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho người nhận là Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy A nhưng nơi tổng đạt không phải là địa chỉ trụ sở của Công ty Cổ phần L và cũng không có căn cứ thể hiện ông T, bà A là người chịu trách nhiệm nhận văn bản cho công ty như quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty Cổ phần L trình

bà ông T, bà A đều không phải là nhân viên văn phòng của công ty và không được công ty phân công tiếp nhận giấy tờ. Vì vậy, việc tổng đạt cho Công ty Cổ phần L thông qua ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy A là không đúng quy định của khoản 1 Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Vi phạm về thủ tục tố tụng tổng đạt của cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong giai đoạn sơ thẩm như quyền trình bày ý kiến cung cấp chứng cứ chứng minh, đưa ra yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu phản tố..., tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được nên thuộc trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm theo quy định của Khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[15] Bản án sơ thẩm bị hủy do có vi phạm về thủ tục tố tụng nên các kháng cáo của Công ty Cổ phần L, ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Thúy H về nội dung giải quyết vụ án sẽ được tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết khi giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo hủy bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 148, Điều 271, Điều 273, Điều 296, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần L, ông Trương Tuấn K và bà Nguyễn Thị Thúy H:

Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

**2.** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xác định khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

**3.** Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0035455 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trương Tuấn K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0035458 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thúy H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0035460 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 6 - TPHCM;
- Phòng THADS Khu vực 6 - TPHCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thanh Nhàn**



